

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 08 - 2022

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn.

2. Ông Nguyễn Văn Đang.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2022 về việc: “*Ly hôn tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 07 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Mai Thị Thu H, sinh năm 1983

Địa chỉ: số nhà 1682, tổ 17, đường Q, phường N, thành phố T, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: số nhà 98, đường B, phường B, thị xã B, tỉnh Th (có mặt).

- Bị đơn: anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số nhà 1682, tổ 17, đường Q, phường N, thành phố T, tỉnh N. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, bản và tại phiên tòa chị Mai Thị Thu H trình bày: chị và anh Nguyễn Hữu Đ tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 02/03/2007 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh Đ mắc vào tệ nạn xã hội nghiện

hút, bản thân chị H cùng với hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh Đ vẫn không từ bỏ con đường nghiện ngập, làm cho kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Đến đầu năm 2020 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống tại số nhà 98, đường bà Triệu, phường B, thị xã B, tỉnh Th từ đó cho đến nay hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, tháng 10/2021 chị H có đơn xin ly hôn anh Đ. Trong quá trình giải quyết chị H đã rút đơn để cho anh Đ có cơ hội sửa chữa lỗi lầm từ bỏ con đường nghiện ngập, cùng chị H làm ăn kinh tế nuôi dạy các con, nhưng từ đó cho đến nay anh Đ vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân chỉ tồn tại trên danh nghĩa, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị H và anh Nguyễn Hữu Đ có với nhau hai người con chung tên là Nguyễn Thu U, sinh ngày 10/01/2008 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16/11/2013. Hiện nay cháu U và cháu Đ, đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng, nay vợ chồng ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung, không yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền nuôi con chung cho chị H.

Về con riêng: Chị H không có.

Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Hữu Đ nhưng anh Đồng không có văn bản trả lời, không có bản tự khai và cũng không đến Tòa án làm việc, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản giấy tờ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân gia đình, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thu H xử cho ly hôn giữa chị Mai Thị Thu H với anh Nguyễn Hữu Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu U, sinh ngày 10/01/2008 và cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16/11/2013 cho chị Mai Thị Thu H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Nguyễn Hữu Đ có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Mai Thị Thu H tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị Mai Thị Thu H không đề nghị nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: chị Mai Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ cư trú tại: số nhà 1682, tổ 17, đường Q, phường N, thành phố T, tỉnh N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thu H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

[2] Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thông báo để đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Bị đơn cũng không thể hiện ý kiến, quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày 28/07/2022 anh Nguyễn Hữu Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 15/08/2022 anh Nguyễn Hữu Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Mai Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu Đ tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn số 25 ngày 02/03/2007 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh N, do vậy quan hệ giữa chị Mai Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu Đ là quan hệ vợ chồng được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng anh Đ không chịu làm ăn kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình mà thường xuyên chơi bời lêu lổng, mắc vào tệ nạn xã hội nghiện hút, bản thân chị H cùng với hai bên gia đình khuyên bảo nhưng

anh Đ vẫn không từ bỏ con đường nghiện ngập, làm cho kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Đến đầu năm 2020 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại số nhà 98, đường bà Triệu, phường B, thị xã B, tỉnh Th từ đó cho đến nay hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, tháng 10/2021 chị H có đơn xin ly hôn anh Đ quá trình giải quyết chị H đã rút đơn để cho anh Đ có cơ hội sửa chữa lỗi lầm từ bỏ con đường nghiện ngập, cùng chị H làm ăn kinh tế nuôi dạy các con, nhưng anh Đ vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi, hiện tại vợ chồng vẫn sống ly thân nhau. Ngày 01/06/2022 Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Mai Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu Đ, bà Lê Thị H, tổ trưởng tổ dân phố 17, phường N, thành phố T, tỉnh N cũng như bà Phạm Thị H (*mẹ đẻ anh Đ*) cho biết anh Đ và chị H kết hôn với nhau vào năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà chồng ở tổ 17, đường Q, phường N, thành phố T, tỉnh N. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cũng chỉ vì kinh tế gia đình khó khăn, anh Đ mắc vào tệ nạn xã hội nghiện hút ma túy, hai bên gia đình đã khuyên bảo anh Đ nhiều lần từ bỏ con đường nghiện ngập, tu chí làm ăn kinh tế gia đình. Hiện tại chị H và anh Đ đã sống ly thân nhau khoảng hơn 02 năm nay, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn anh Đ quan điểm của hai bên gia đình cũng như chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào qui định của pháp luật để giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị H và anh Đ đã đủ căn cứ xác định vợ chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thu H xin ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

[4] Về con chung: chị Mai Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu Đ có 02 con chung tên là Nguyễn Thu U, sinh ngày 10/01/2008 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16/11/2013. Hiện nay chị H đang chăm sóc, khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giải quyết tiếp tục giao hai cháu U và Đ cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Việc nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chưa thành niên khi vợ chồng ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Qua biên bản ghi ý kiến của cháu Nguyễn Thu U và cháu Nguyễn Hải Đ, thì nguyện vọng của các cháu muốn được ở với mẹ. Xét thực tế hiện nay hai cháu U và cháu Đ đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng, từ năm 2020 khi chị H và anh Đ sống ly thân. Để đảm bảo cuộc sống của hai cháu không bị xáo trộn do vậy cần giao hai cháu U và Đ cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp, do vậy cần chấp nhận yêu cầu giao con của chị H. Về cấp dưỡng nuôi con chung, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H trình bày hiện nay chị có công việc và có mức thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc hai cháu U và Đ về mọi mặt nên chị không yêu cầu anh Nguyễn Hữu Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã giải thích theo quy định của pháp luật người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho người trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên chị H vẫn khẳng định chị có đủ điều kiện

để chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu U và Đ mà không cần sự đóng góp từ phía anh Đ. Tòa án xác minh thu nhập kinh tế hàng tháng của chị H, hiện tại chị H làm nghề kinh doanh bán đá cảnh cùng gia đình mẹ để thu nhập bình quân 15.000.000đ/tháng, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Đ không đến Tòa làm việc thể hiện quan điểm của mình về việc ly hôn cũng như việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Vì vậy việc chị H không yêu cầu anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện. Do đó cần ghi nhận sự tự nguyện của chị H, tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị Mai Thị Thu H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thu H xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Mai Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

2/ Về nuôi con chung: Sau khi ly hôn giao hai cháu Nguyễn Thu U, sinh ngày 10/01/2008 và cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16/11/2013 cho chị Mai Thị Thu H được tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hữu Đ có quyền đi lại thăm nom con mà không ai ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Mai Thị Thu H tạm thời không yêu cầu anh Nguyễn Hữu Đ cấp dưỡng.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm

ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002598 ngày 19 tháng 04 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Chị Mai Thị Thu H đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- UBND phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Đinh Xuân Trường